BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 102 /2008/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân, gồm: Biên lai thuế thu nhập cá nhân - CTT55 dùng cho cơ quan thuế lập và cấp cho cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân trực tiếp tại cơ quan thuế. Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân - CTT56 dùng cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập lập và cấp cho cá nhân có thu nhập thuộc diện phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Điều 2. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức in ấn, phát hành, quản lý và hướng dẫn sử dụng chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân theo Điều 1 Quyết định này và theo quy định về quản lý sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cơ quan TƯ của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ;

- Website Chính phủ, website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN(2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số (Form No.): CTT 55
Ký hiệu (Serial No.):
Số (No.):

MINISTRY OF FINANCE
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

BIÊN LAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Liên 1: Báo soát)
RECEIPT OF PERSONAL INCOME TAX
(Original 1: For checking)

[01] Họ và tên người nộp thuế *(Full name of taxpayer)*: .....

[02] Mã số thuế
(Tax identification number): | | | | | | | | | | | - | | | |

[03] Quốc tịch *(Nationality)*: .....

[04] Cá nhân cư trú *(Resident individual)*: ☐ **[05]** Cá nhân không cư trú *(Non-resident individual)*: ☐

[06] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ *(Contact Address or Telephone Number)*:

.....

[07] Số CMND hoặc số hộ chiếu *(ID/Passport Number)*: .....

[08] Nơi cấp *(Place of issue)*: ..... **[09]** Ngày cấp *(Date of issue)*:.....

[10] Khoản thu nhập *(Type of income)*: .....

Kỳ nộp thuế *(Tax period)*	Thu nhập chịu thuế *(Taxable income)*	Thu nhập tính thuế *(Assessable income)*	Số thuế thu nhập phải nộp *(Income tax payable)*	Số thuế đã khấu trừ/đã tạm nộp *(Income tax withheld/ temporarily paid)*	Số thuế nộp kỳ này *(Income tax paid of this period)*
[11]	**[12]**	**[13]**	**[14]**	**[15]**	**[16]**
Tháng *(Month)* Năm *(Year)*					
Cộng (Total)					

[17] Số thuế thu nhập cá nhân nộp kỳ này (bằng chữ) *(Personal income tax paid of this period - in words)*:.....

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year) .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Director of Tax office)
Ký, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)
(Signature, seal, full name and designation)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số (Form No.): CTT 56
Ký hiệu (Serial No.):
Số (No.):

MINISTRY OF FINANCE
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Liên 1: Báo soát)
CERTIFICATE OF PERSONAL INCOME TAX WITHHOLDING
(Original 1: For checking)

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP *(Information of the income paying organization, individual)*

[01] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập *(Name of the income paying organization, individual)*:
.....

[02] Mã số thuế:
(Tax identification number)

										-			

[03] Địa chỉ *(Address)*: .....

[04] Điện thoại *(Telephone number)*: .....

II. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ *(Information of taxpayer)*

[05] Họ và tên *(Full name)*:.....

[06] Mã số thuế:
(Tax identification number)

										-			

[07] Quốc tịch *(Nationality)*: .....

[08] Cá nhân cư trú *(Resident individual)* ☐ **[09]** Cá nhân không cư trú *(Non-resident individual)* ☐

[10] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ *(Contact Address or Telephone Number)*: .....
.....

[11] Số CMND hoặc số hộ chiếu *(ID/Passport Number)*: .....

[12] Nơi cấp *(Place of issue)*:.....**[13]** Ngày cấp *(Date of issue)*:.....

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ *(Information of personal income tax withheld)*

[14] Khoản thu nhập *(Type of income)*: .....

[15] Thời điểm trả thu nhập (*Time of income payment)*: tháng *(month)* ..... năm *(year)*: .....

[16] Tổng thu nhập chịu thuế đã trả *(Total taxable income paid)*: .....

[17] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ *(Amount of personal income tax withheld)*: .....

[18] Số thu nhập cá nhân còn được nhận *(Amount of income received by individual)* **[(16) - (17)]**:
.....

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year) .....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
(Income paying organization, individual)
Ký, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)
(Signature, seal, full name and designation)